

KẾ HOẠCH

Về các khoản Thu-Chi của Trường Mầm non Vàng Anh

Năm học 2024 – 2025

Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Quyết định về Ban hành Quy định về tiêu chí công nhận trường thực hiện chương trình chất lượng cao “Trường tiên tiến, hội nhập quốc tế” tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 6037/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về công nhận Trường Mầm non Vàng Anh Quận 5 là trường thực hiện chương trình chất lượng cao “Trường tiên tiến, hội nhập quốc tế”;

Căn cứ Nghị Quyết số 12/2024/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Nghị Quyết Quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2024-2025;

Căn cứ Nghị Quyết số 13/2024/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Nghị Quyết Quy định mức học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập từ năm học 2024 - 2025 và các năm học tiếp theo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Công văn số 3019/SGDĐT-GDMN ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về định hướng các hoạt động chuyên môn đối với trường mầm non thực hiện chương trình chất lượng cao “Trường tiên tiến, hội nhập quốc tế” theo Quyết định số 07/2022/QĐ-UBND;

Căn cứ công văn số 5307/SGDĐT-KHTC ngày 26 tháng 8 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác; thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2024 - 2025 của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ công văn số 1922/UBND-TCKH ngày 16 tháng 09 năm 2023 của Ủy ban Nhân dân Quận 5 về triển khai việc thực hiện công văn số 5307/SGDĐT-KHTC ngày 26 tháng 8 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ vào Quy chế chi tiêu nội bộ của trường năm 2024;

Căn cứ kết quả lấy ý kiến thoả thuận các khoản thu cùng cha mẹ học sinh trường Mầm non Vàng Anh ngày 17 tháng 9 năm 2024;

Trường Mầm non Vàng Anh xây dựng kế hoạch thu chi năm học 2024-2025 như sau:



I. Thu học phí:

Cấp học	Mức học phí (đồng/học sinh/tháng)
Nhà trẻ	200.000
Mẫu giáo	160.000

- Trẻ em mầm non 05 tuổi được miễn học phí từ năm học 2024 - 2025 (được hưởng từ ngày 01 tháng 9 năm 2024).

II. Về các khoản thu - chi dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục và các khoản thu tổ chức các hoạt động giáo dục khác:**1. Các khoản thu - chi dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục theo Nghị quyết số 13/2024/NQ-HĐND**

STT	Nội dung thu	Định mức (đồng)	Nội dung chi
1	Tiền tổ chức phục vụ, quản lý bán trú (đồng/học sinh/tháng)	550.000	- 2% nộp thuế TNDN - 90% chi cho CB-GV-NV: + Chi tiền công và các khoản đóng góp cho nhân viên hợp đồng lao động. + Sau khi chi tiền công và các khoản đóng góp cho nhân viên hợp đồng lao động, phần còn lại được chia theo hệ số được qui định theo quy chế chi tiêu nội bộ. - 8% chi hoạt động giảng dạy, hỗ trợ cơ sở vật chất, văn phòng phẩm, điện, nước, điện thoại, kiêm nhiệm.. - Chi trả tiền công khoán nhân viên vệ sinh, mua giấy vệ sinh, xà bông, dung dịch rửa tay, kem đánh răng, bàn chải đánh răng, khăn lau mặt để cháu sử dụng, dung dịch tẩy rửa, thuốc diệt côn trùng cho nhà vệ sinh và lớp học của cháu. Các vật dụng như: Bao đựng rác, thùng rác, dụng cụ chà rửa lớp học - nhà vệ sinh, nước lau sàn, nước lau kính trong lớp học, gas chuyên dùng để hấp khăn, dung dịch xả thơm khăn và các vật dụng khác có tính chất phục vụ vệ sinh cho học sinh, hợp đồng xử lý rác.
2	Dịch vụ phục vụ ăn sáng (đồng/học sinh/tháng)	195.000	- 2% nộp thuế TNDN - Chi hỗ trợ cấp dưỡng nấu ăn: 9 tháng/năm học; hè chi theo thực tế (nếu có làm việc) và không hỗ trợ nghỉ do thiên tai, dịch bệnh. - Phần còn lại chi cho CB-GV-NV.

STT	Nội dung thu	Định mức (đồng)	Nội dung chi
3	Dịch vụ nhân viên nuôi dưỡng (phần kinh phí xã hội hóa theo Khoản 2, Điều 1 Nghị quyết 04/2021/NQ-HĐND ngày 23/03/2021 của HĐND Thành phố) (đồng/học sinh/năm)	NT: 110.000 MG: 96.000	- Ngân sách Thành phố hỗ trợ hợp đồng nhân viên nuôi dưỡng bằng 50% mức lương tối thiểu Vùng I do Chính phủ công bố, còn lại chi từ nguồn xã hội hóa (tùy theo điều kiện cụ thể từng đơn vị), thời gian hỗ trợ 9 tháng/năm. Như vậy, tiền công trả lương cho nhân viên nuôi dưỡng thu từ cha mẹ học sinh quy định tại Nghị quyết 13/2024/NQ-HĐND là số chênh lệch còn lại sau khi trừ đi số tiền ngân sách Thành phố hỗ trợ so với tiền lương trên hợp đồng lao động. - Số tiền này chỉ thu để trả lương cho nhân viên nuôi dưỡng, không sử dụng vào mục đích khác. Nhà trường cân đối thu đủ bù chi. Cuối năm học phải sử dụng hết. Không tồn qua năm học sau.
4	Dịch vụ khám sức khỏe học sinh ban đầu (bao gồm khám nha học đường) (đồng/học sinh/năm)	50.000	- Hợp đồng với Trung tâm Y tế Quận 5 khám sức khỏe cho học sinh (chi theo thực tế báo giá của cơ sở y tế). - Sổ khám sức khỏe cho học sinh.
5	Dịch vụ chăm sóc nuôi dưỡng ngoài giờ (bao gồm dịch vụ trông giữ trong các ngày nghỉ, không bao gồm các ngày Lễ Tết, không bao gồm tiền ăn) (đồng/học sinh/giờ)	9.000	- 2% nộp thuế TNDN - 90% chi cho CB-GV-NV: + Chi tiền công thực hiện chăm sóc nuôi dưỡng cho hoạt động ngoài giờ. (Theo số lượng học sinh đăng ký dịch vụ) - 8% chi hoạt động giảng dạy, hỗ trợ cơ sở vật chất, văn phòng phẩm, điện, nước, điện thoại, kiêm nhiệm..
6	Dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số (đồng /hs/tháng)	30.000	- Sổ liên lạc điện tử, quản lý học sinh, khẩu phần dinh dưỡng, sổ bé ngoan, chi phí liên kết bộ phận truyền thông trên Fanpage, Facebook... của đơn vị.

2. Các khoản thu - chi tổ chức các hoạt động giáo dục khác

2.1. Các khoản thu tổ chức các hoạt động giáo dục thực hiện theo các Đề án

STT	Nội dung thu	Định mức (đồng)	Nội dung chi
1	Tiền tổ chức thực hiện Đề án Trường thực hiện chương trình chất lượng cao “Trường tiên tiến, hội nhập quốc tế”: 1.800.000 đồng/học sinh/tháng. Trong đó:		
	Tổ chức cho trẻ làm quen Tiếng Anh:	1.800.000	- 2% nộp thuế TNDN

STT	Nội dung thu	Định mức (đồng)	Nội dung chi
	450.000 đồng/học sinh/tháng.		- 84% chi cho bên hợp đồng Năng khiếu Anh văn, 70% hợp đồng Kỹ năng sống (10 môn phối hợp);
	- Thẻ dực thể thao 10 môn phối hợp: 450.000 đồng/học sinh/tháng.		- 70% chi cho bên hợp đồng Stem;
	- Năng khiếu “Vẽ”: 100.000 đồng/học sinh/tháng.		- 60% chi cho hợp đồng Năng khiếu Vẽ, nhịp điệu;
	- Năng khiếu “Thể dục nhịp điệu”: 100.000 đồng/học sinh/tháng.		- Phần thu Trung tâm ngoại khóa hỗ trợ quy đổi thành 100% và thực hiện chi như sau:
	- GD Stem cơ bản: 100.000 đồng/học sinh/tháng.		+ 43% chi hỗ trợ cho giáo viên lớp mẫu giáo
	- CSVC hội nhập 400.000 đồng/học sinh/tháng: Trang bị cơ sở vật chất (tùy điều kiện thực tế của trường để có sự đầu tư mua sắm, sửa chữa cơ sở vật chất);		+ 19% chi cho cán bộ quản lý, giáo viên nhà trẻ, nhân viên theo hệ số
	- Tổ chức các hoạt động ngoài nhà trường 200.000 đồng/học sinh/tháng		+ 20% hỗ trợ văn phòng phẩm, điện, nước, điện thoại, hỗ trợ chi trợ cấp khác theo nội dung chi tiết của quy chế chi tiêu nội bộ.
			+ 18% còn lại thì đơn vị thực hiện trích tỉ lệ % nguồn cải cách tiền lương, trích lập các quỹ sau khi trích tỉ lệ % nguồn cải cách tiền lương.
			- Chi trang bị cơ sở vật chất mô hình trường tiên tiến: Tùy điều kiện thực tế của trường để có sự đầu tư mua sắm, sửa chữa cơ sở vật chất.
			- Tổ chức các hoạt động ngoài nhà trường như: tham quan siêu thị, nhà sách, bưu điện, bảo tàng, công viên... tối thiểu 2 lần/năm (chi theo thực tế tại thời điểm công ty báo giá tham quan ngoại khóa).
			- Các hoạt động khác lễ hội trong nhà trường.

2.2. Các khoản thu dịch vụ cho cá nhân học sinh

STT	Nội dung thu hộ - chi hộ	Định mức (đồng)	Nội dung chi
1	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú (đồng/học sinh/năm)	300.000	- Mua đồ dùng cho cá nhân cháu: chén, ca uống nước, ca uống sữa, muỗng. - Mua đồ dùng chung: mùng, ky và chổi hốt ổi, khay đựng trái cây, thố đựng cơm – thức ăn, khăn trải bàn, dao, kéo, thớt, vát, nồi Inox, - Sửa chữa: sửa tủ ly, thay vòi nước nhà vệ sinh của cháu, sửa chữa tủ hấp khăn, tủ hấp cơm, tủ sấy chén, thang vận chuyển thức ăn, máy xay thịt, bếp gas.

STT	Nội dung thu hộ - chi hộ	Định mức (đồng)	Nội dung chi
			- Bảo trì các thiết bị tại nhà bếp, gia hạn phần mềm tính khẩu phần dinh dưỡng.
2	Học phẩm- Học cụ- học liệu:		
	Học phẩm: 50.000 đồng/họcsinh/năm học	50.000	- Học phẩm: bút chì, bút màu, bút lông bảng, bút lông kim, viết lông 12 màu, bìa đựng sản phẩm của trẻ, giấy A4, giấy A3.
	Học cụ, học liệu: /học sinh/ năm học	+ Nhà trẻ: 200.000 + Mầm: 250.000 + Chồi: 300.000 + Lá: 350.000	- Học liệu: Cùng trẻ phát triển toàn diện – Toán; Cùng trẻ phát triển toàn diện - Khám phá khoa học và xã hội; Cùng trẻ phát triển toàn diện - Tạo hình; Cùng trẻ phát triển toàn diện - chữ cái Bé tập tô - Nét cơ bản và chữ cái; Sổ bé ngoan, phiếu bông hồng, phiếu bông sen. - Học cụ: sử dụng chung trong lớp: đất nặn, màu nước, cọ, khay pha màu, keo dán, khuôn đất nặn, bảng đất nặn, các đồ dùng làm học cụ tại lớp như: giấy ruki, băng keo trong, băng keo dày, bìa kiếng, xốp Biti's, thú bông...; rối kể chuyện; tranh nhận biết tập nói cho cháu nhà trẻ, trang bị học cụ các góc hoạt động như: góc toán, học cụ góc xây dựng, học cụ góc âm nhạc cho cháu mẫu giáo..., học cụ phát triển thể chất.
3	Tiền suất ăn trưa bán trú (đồng/học sinh/ngày)	38.000	Chi mua thực phẩm: rau, củ, quả, thịt, cá, sữa, trái cây, bánh, ... tiền gas nấu ăn buổi trưa và xế cho trẻ, hỗ trợ tiền nước phục vụ bếp bán trú.
4	Tiền ăn sáng (đồng/học sinh/ngày)	18.000	Chi mua thực phẩm: rau, củ, quả, thịt, cá, sữa, bánh, sữa chua... tiền gas nấu ăn sáng cho trẻ.
5	Nước uống Ion Life (đồng/học sinh/tháng)	17.000	Chi mua nước Ion Life cho học sinh
6	Tiền sử dụng máy lạnh của lớp học có máy lạnh (đồng/học sinh/tháng)	50.000	- Tiền sử dụng máy lạnh của lớp học có máy lạnh (tiền điện, sửa chữa, chi phí bảo trì, vệ sinh máy lạnh theo định kỳ)

2.3. Các khoản thu phục vụ cho hoạt động giáo dục ngoài giờ học chính khoá (Tự nguyện, không bắt buộc)

1	Robotics (GD Stem nâng cao)	320.000	- 2% nộp thuế TNDN. - Thanh toán hợp đồng giảng dạy 80%. - 18% chi hoạt động và hỗ trợ cho giáo viên lớp.
---	-----------------------------	---------	---

III. CÔNG KHAI CÁC KHOẢN THU

Nhà trường thực hiện công khai mức thu học phí và các khoản thu khác theo quy định tại Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách nhà nước hỗ trợ, Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính và Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

IV. CHẾ ĐỘ MIỄN GIẢM VÀ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP

- Tiếp tục thực hiện các chế độ miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh, sinh viên và chính sách phát triển giáo dục mầm non ban hành cụ thể như sau:

+ Công văn số 794/SGDĐT-KHTC ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thực hiện chế độ miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh, sinh viên và chính sách phát triển giáo dục mầm non từ năm học 2021-2022;

+ Công văn số 1406/SGDĐT-KHTC ngày 09 tháng 5 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn bổ sung thực hiện chính sách ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo.

+ Hỗ trợ học phí cho học sinh theo Nghị quyết số 35/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố về chính sách đặc thù chăm lo, hỗ trợ người cao tuổi, trẻ em mồ côi và những đối tượng có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn Thành phố: Thực hiện theo Hướng dẫn số 9801/HD-SLĐTBXH ngày 03 tháng 5 năm 2024 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội về hướng dẫn quy trình, khảo sát, xét duyệt danh sách, phương thức, thủ tục chi trả và thanh, quyết toán kinh phí thực hiện chính sách đặc thù chăm lo, hỗ trợ người cao tuổi, trẻ em mồ côi và những đối tượng có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Đề nghị Phòng Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội tiếp nhận danh sách đối tượng học sinh được hưởng trợ cấp theo Nghị quyết số 35/2023/NQ-HĐND để thông báo đến các cơ sở giáo dục trên địa bàn (bao gồm cả các trường trung học phổ thông và các cơ sở giáo dục ngoài công lập) hỗ trợ học sinh trong thời gian hoàn tất thủ tục nhận kinh phí hỗ trợ.

+ Hỗ trợ học phí cho học sinh theo Nghị quyết số 23/2022/NQ- HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố về chính sách hỗ trợ giáo dục đối với trẻ mầm non, học sinh, học viên cao học và nghiên cứu sinh là người dân tộc thiểu số tại Thành phố Hồ Chí Minh kể từ năm học 2022-2023: Tiếp tục thực hiện theo Công văn số 2842/SGDĐT-KHTC của Sở Giáo dục và Đào tạo ngày 07 tháng 6 năm 2023 về triển khai quy chế phối hợp thực hiện Nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐND theo Quyết định số 1962/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ngày 17 tháng 5 năm 2023 về ban hành Quy chế phối hợp thực hiện Nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐND.

- Trẻ em mầm non 05 tuổi từ năm học 2024 – 2025 và học sinh trung học cơ sở từ năm học 2025 – 2026 được Nhà nước cấp bù tiền miễn, giảm học phí cho các cơ

sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên để thực hiện việc miễn, giảm học phí đối với người học theo mức thu học phí do Hội đồng nhân dân Thành phố quy định. Phương thức thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 21, khoản 1 Điều 22 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP.

- Đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông ngoài công lập thực hiện theo quy định tại khoản 3, khoản 9 Điều 20 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP: “Nhà nước cấp trực tiếp tiền miễn, giảm học phí cho các đối tượng thuộc diện được miễn, giảm học phí theo học tại các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục, cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp... theo mức học phí do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định đối với cơ sở giáo dục công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên tương ứng với từng vùng, từng cấp học...”. Thời gian hỗ trợ theo thời gian học thực tế tại cơ sở giáo dục nhưng không quá 09 tháng/năm học. Giao Phòng Giáo dục và Đào tạo thực hiện các thủ tục để chi trả kinh phí miễn học phí cho cha mẹ, người giám hộ của trẻ em mầm non, học sinh phổ thông theo hình thức chi trả thông qua cơ sở giáo dục.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Tổ chức niêm yết công khai và phổ biến các văn bản chỉ đạo đến toàn thể cán bộ, giáo viên, phụ huynh học sinh các văn bản chỉ đạo về thu, sử dụng học phí và thu khác năm học 2024-2025 của các trường.

- Tất cả các khoản thu được thông báo đầy đủ, công khai bằng văn bản đến từng phụ huynh học sinh./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT Q5;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Lâm Thị Thủy Loan



QUYẾT ĐỊNH
BAN HÀNH MỨC THU HỌC PHÍ VÀ CÁC KHOẢN THU DỊCH VỤ PHỤC VỤ, HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC
NĂM HỌC 2024-2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON VÀNG ANH

- Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;
- Căn cứ Nghị Quyết số 12/2024/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Nghị Quyết Quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2024-2025;
- Căn cứ Nghị Quyết số 13/2024/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Nghị Quyết Quy định mức học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập từ năm học 2024 - 2025 và các năm học tiếp theo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;
- Căn cứ Công văn số 2085/UBND-GDĐT ngày 07 tháng 10 năm 2024 của Ủy Ban Nhân Dân Quận 5 về hướng dẫn thu, sử dụng học phí năm học 2024-2025 của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn Quận 5;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1 . Ban hành chi tiết mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục năm học 2024-2025.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ 05.09.2024.

Điều 3. Toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên của Trường Mầm non Vàng Anh chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. Quyết định này có hiệu lực áp dụng cho năm học 2024-2025

Nơi nhận:

- Phòng TC-KH Quận 5;
- KBNN nơi giao dịch;
- Lưu :VT; KT; BGH.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Lâm Thị Thuỳ Loan

**BẢNG CHI TIẾT MỨC THU CÁC KHOẢN THU DỊCH VỤ PHỤC VỤ, HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC
NĂM HỌC 2024-2025**

- Căn cứ Công văn số 2085/UBND-GDĐT ngày 07 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân quận 5 về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục , thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2024-2025 của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn Quận 5;
- Trường Mầm non Vàng Anh ban hành khung thu NH 2024-2025 như sau:

NỘI DUNG THU	Đơn vị tính	MỨC THU	
		NHÀ TRẺ	MẪU GIÁO
1.Học phí :			
- Nhà trẻ	đồng/học sinh/tháng	200.0000	
- Mẫu giáo	đồng/học sinh/tháng		160,000
- Học sinh khối Lá			<i>Không thu</i>
2. CÁC KHOẢN THU PHỤC VỤ CHO HOẠT ĐỘNG BÁN TRÚ			
- Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	đồng/học sinh/tháng	550,000	550,000
- Tiền phục vụ ăn sáng	đồng/học sinh/tháng	195,000	195,000
- Dịch vụ chăm sóc nuôi dưỡng ngoài giờ (bao gồm dịch vụ trông giữ trước và sau giờ học chính khoá, không bao gồm tiền ăn)	đồng/học sinh/giờ	12,000	12,000
- Tiền công trả lương cho NVND theo NQ04/2017 ngày 06/7/2017 và NQ04/2021/HĐND ngày 23/3/2021	đồng/học sinh/tháng	110,000	96,000
3. CÁC KHOẢN THU HỖ TRỢ CHO CÁ NHÂN HỌC SINH			

NỘI DUNG THU	Đơn vị tính	MỨC THU	
		NHÀ TRẺ	MẪU GIÁO
- Tiền suất ăn trưa bán trú	đồng/học sinh/ngày	38,000	38,000
- Tiền suất ăn sáng	đồng/học sinh/ngày	18,000	18,000
- Tiền nước uống	đồng/học sinh/tháng	17,000	17,000
- Tiền sử dụng máy lạnh của lớp học có máy lạnh (tiền điện , chi phí bảo trì máy lạnh)	đồng/học sinh/tháng	50,000	50,000
- Dịch vụ tiện ích công nghệ thông tin và chuyển đổi số	đồng/học sinh/tháng	30,000	30,000
- Dịch vụ khám sức khỏe học sinh ban đầu (bao gồm khám nha học đường	đồng/học sinh/năm học	50,000	50,000
- Mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú	đồng/học sinh/năm học	300,000	300,000
- Học phẩm	đồng/học sinh/năm học	50,000	50,000
- Học cụ - học liệu			
- Khối Nhà trẻ	đồng/học sinh/năm học	200,000	
- Khối Mầm	đồng/học sinh/năm học		250,000
- Khối Chồi	đồng/học sinh/năm học		300,000
- Khối Lá	đồng/học sinh/năm học		350,000
4. CÁC KHOẢN THU PHỤC VỤ CHO HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC THỰC HIỆN THEO CÁC ĐỀ ÁN			

NỘI DUNG THU	Đơn vị tính	MỨC THU	
		NHÀ TRẺ	MẪU GIÁO
- Tiền tổ chức thực hiện Đề án trường thực hiện chương trình "Trường tiên tiến hội nhập quốc tế"/tháng			1,800,000
Trong đó : - Anh văn (ngoại ngữ với người nước ngoài)	đồng/học sinh/tháng		450,000
- Gokisd (Kỹ năng sống)	đồng/học sinh/tháng		450,000
- STEM (Tổ chức giáo dục Stem)	đồng/học sinh/tháng		100,000
- Vẽ	đồng/học sinh/tháng		100,000
- Nhịp điệu	đồng/học sinh/tháng		100,000
- Chương trình hoạt động giáo dục ngoại khoá (bao gồm đi thực tế tham quan bên ngoài và các lễ hội tổ chức tại trường)	đồng/học sinh/tháng		200,000
- Cơ sở vật chất hội nhập	đồng/học sinh/tháng		400,000
5. CÁC KHOẢN THU PHỤC VỤ CHO HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NGOÀI GIỜ HỌC CHÍNH KHOÁ (TỰ NGUYỆN KHÔNG BẮT BUỘC)			
- Robotics (GD Stem nâng cao)	đồng/học sinh/tháng		320,000

Ngày 07 tháng 10 năm 2024



Lâm Thị Thùy Loan